ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỢNG TIẾN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 633 /BC-UBND	*Phượng Tiến, ngày 20 tháng 11 năm 2026*

BÁO CÁO
Rà soát TTHC, đánh giá kết quả chuyển đổi số, sử dụng dữ liệu thay thế giấy tờ gắn với vị trí việc làm và phương án biên chế

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Công văn số 14692/UBND-TTPVHCC ngày 18/11/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc rà soát thủ tục hành chính, đánh giá kết quả chuyển đổi số, sử dụng dữ liệu thay thế giấy tờ gắn với vị trí việc làm và phương án biên chế, UBND xã Phượng Tiến đã tổ chức rà soát 18 thủ tục hành chính đặc thù lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã, tập trung vào quy trình xử lý, khả năng khai thác và sử dụng dữ liệu thay thế giấy tờ, nhân sự - vị trí việc làm - biên chế, căn cứ pháp lý và lộ trình cắt giảm. Kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Thực hiện rà soát theo nhóm lĩnh vực TTHC

Theo Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên, lĩnh vực đất đai có 31 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết ở cấp tỉnh do Sở Nông nghiệp và Môi trường/Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện và 18 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã/Chủ tịch UBND cấp xã. Qua rà soát 18 TTHC thuộc cấp xã, có thể phân thành 05 nhóm theo tính chất và quy trình xử lý như sau:

- Nhóm 1: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, đính chính, thu hồi/cấp lại và điều chỉnh thông tin thửa đất (mã TTHC: 1.116095, 1.116096, 1.116097, 1.116098, 1.116104, 1.116110, 1.116111, 1.116112). Quy trình chủ yếu gồm tiếp nhận hồ sơ; tra cứu hồ sơ địa chính, lịch sử cấp Giấy chứng nhận; đối chiếu thông tin nhân thân, chủ thể và tình trạng pháp lý của thửa đất; xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng, ranh giới, diện tích, loại đất; kiểm tra thực địa, đo đạc khi cần thiết; lập hồ sơ, trình người có thẩm quyền quyết định/cấp Giấy chứng nhận; chuyển cơ quan đăng ký đất đai cập nhật, chỉnh lý dữ liệu và trả kết quả.

- Nhóm 2: Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất và điều chỉnh quyết định (mã TTHC: 1.116099, 1.116100, 1.116101, 1.116102, 1.116103). Quy trình chủ yếu gồm tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hiện trạng, nguồn gốc và điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích; kiểm tra tư cách chủ thể và điều kiện chính sách; phối hợp xác định nghĩa vụ tài chính; trình, ban hành quyết định; chuyển thông tin đến cơ quan thuế, cơ quan đăng ký đất đai và cơ quan liên quan để thực hiện, cập nhật dữ liệu.

- Nhóm 3: Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước, cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (mã TTHC: 1.116105). Quy trình gồm tiếp nhận đề nghị và giấy tờ liên quan; xác định chủ thể, thửa đất, ranh giới, diện tích và tình trạng pháp lý; xác minh sự tự nguyện, đối tượng nhận tặng cho và mục đích sử dụng; kiểm tra thực địa, đo đạc khi cần thiết; thực hiện đăng ký, chỉnh lý theo quy định.

- Nhóm 4: Sử dụng đất kết hợp đa mục đích và gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích (mã TTHC: 1.116106). Quy trình gồm tiếp nhận phương án hoặc văn bản đề nghị; kiểm tra hồ sơ đất đai, quy hoạch, mục đích sử dụng, thời hạn và điều kiện sử dụng kết hợp; lấy ý kiến, xác minh khi cần thiết; thẩm định, quyết định hoặc gia hạn; cập nhật thông tin theo dõi.

- Nhóm 5: Hòa giải và giải quyết tranh chấp đất đai (mã TTHC: 1.116107, 1.116108). Quy trình gồm tiếp nhận đơn; kiểm tra thẩm quyền, tư cách các bên và hồ sơ; tra cứu hồ sơ địa chính, lịch sử biến động, quy hoạch; xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng, hiện trạng và người có liên quan; tổ chức hòa giải, đối thoại, lập biên bản; đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã, tiếp tục thẩm tra, xác minh, tổ chức đối thoại và ban hành quyết định giải quyết theo quy định.

2. Dữ liệu cần khai thác, trường thông tin nghiệp vụ và khả năng cắt giảm theo từng TTHC

Số TT	Mã TTHC	Tên thủ tục	CSDL cần khai thác/kết nối	Trường dữ liệu nghiệp vụ cốt lõi	Khả năng cắt giảm và giới hạn
1	1.116095	Xác định lại diện tích đất ở đã cấp GCN trước 01/7/2004	CSDL quốc gia về đất đai/CSDL đất đai tỉnh; hồ sơ địa chính, dữ liệu GCN; CSDL dân cư	Số GCN, số thửa, tờ bản đồ, diện tích, loại đất, thời điểm cấp, chủ sử dụng, địa chỉ thửa đất, biến động, hạn mức/diện tích đất ở, hồ sơ nguồn gốc.	Có thể giảm nộp lại bản gốc GCN và thông tin chủ sử dụng nếu dữ liệu GCN, hồ sơ cấp trước đây được số hóa, xác thực. Chưa thể bỏ xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng và điều kiện pháp luật nếu dữ liệu lịch sử chưa đủ.
2	1.116096	Đính chính GCN đã cấp có sai sót	CSDL đất đai; hồ sơ cấp GCN lưu tại cơ quan đăng ký; CSDL dân cư; CSDL hộ tịch (khi sai thông tin nhân thân).	Số phát hành GCN, mã thửa, chủ thể, thông tin sai và thông tin đúng, thời điểm phát sinh sai sót, tài liệu nguồn đã dùng khi cấp.	Quy trình đã yêu cầu khai thác hồ sơ cấp GCN lần đầu từ CSDL đất đai. Có thể thay giấy tờ chứng minh thông tin nhân thân nếu dữ liệu gốc có sẵn; trường hợp không tra cứu được vẫn phải yêu cầu cơ quan đăng ký chuyển hồ sơ giấy/điện tử để kiểm tra.

Số TT	Mã TTHC	Tên thủ tục	CSDL cần khai thác/kết nối	Trường dữ liệu nghiệp vụ cốt lõi	Khả năng cắt giảm và giới hạn
3	1.116097	Thu hồi GCN cấp không đúng do người sử dụng đất phát hiện và cấp lại	CSDL đất đai; hồ sơ cấp GCN; CSDL dân cư; CSDL hộ tịch; dữ liệu quy hoạch và hồ sơ chuyên ngành liên quan nếu căn cứ thu hồi có liên quan.	Số GCN, mã thửa, chủ thể, căn cứ cấp, thông tin sai, lịch sử chỉnh lý, thời điểm cấp, hồ sơ chứng minh điều kiện cấp tại thời điểm cấp.	Có thể cắt việc nộp lại bản sao giấy tờ đã có trong hồ sơ cấp GCN; quy trình hiện vẫn yêu cầu GCN bản gốc và văn bản kiến nghị. Chưa thể bỏ kiến nghị/yêu cầu thu hồi và bước đánh giá tính hợp pháp.
4	1.116098	Đăng ký, cấp GCN lần đầu đối với tổ chức	CSDL đất đai; CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; CSDL định danh điện tử tổ chức; CSDL quy hoạch; CSDL xây dựng; CSDL ngành lâm nghiệp; CSDL tài chính/thuế.	Mã số doanh nghiệp/đơn vị, người đại diện, địa chỉ, quyết định thành lập, vị trí/thửa đất, diện tích, mục đích, nguồn gốc, quy hoạch, công trình/tài sản, nghĩa vụ tài chính, miễn giảm.	Có thể thay giấy đăng ký doanh nghiệp/quyết định thành lập, thông tin người đại diện và dữ liệu quy hoạch, xây dựng nếu đã liên thông. Không bỏ kiểm tra thực tế, xác định ranh giới, hồ sơ nguồn gốc và nghĩa vụ tài chính.
5	1.116099	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích; giao/thuê đất và rừng	CSDL đất đai; CSDL quy hoạch; CSDL ngành nông nghiệp/lâm nghiệp; CSDL doanh nghiệp; CSDL dân cư; CSDL tài chính/thuế.	Chủ thể, mã thửa, vị trí, diện tích, loại đất, quy hoạch/kế hoạch, hiện trạng, nguồn gốc, dự án, điều kiện đấu thầu/đấu giá, rừng, nghĩa vụ tài chính.	Có thể thay giấy tờ pháp lý chủ thể, dữ liệu thửa đất, quy hoạch và hồ sơ rừng đã số hóa. Không thể bỏ khảo sát, xác định hiện trạng, đánh giá điều kiện pháp lý, lấy ý kiến hoặc thẩm định.
6	1.116100	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	CSDL đất đai; hồ sơ quyết định giao/thuê; CSDL dân cư/doanh nghiệp; CSDL tài chính/thuế.	Quyết định gốc, hình thức sử dụng, thời hạn, diện tích, chủ thể, nghĩa vụ tài chính đã thực hiện, lý do chuyển hình thức.	Có thể bỏ yêu cầu nộp lại quyết định/hồ sơ gốc nếu tra cứu được bản điện tử xác thực; tự động điền thông tin chủ thể và thửa đất. Phần đánh giá điều kiện chuyển hình thức vẫn do cơ quan chuyên môn thực hiện.

Số TT	Mã TTHC	Tên thủ tục	CSDL cần khai thác/kết nối	Trường dữ liệu nghiệp vụ cốt lõi	Khả năng cắt giảm và giới hạn
7	1.116101	Điều chỉnh quyết định do thay đổi căn cứ quyết định	CSDL đất đai; CSDL quy hoạch; CSDL văn bản pháp luật/dữ liệu quyết định hành chính; CSDL dân cư/doanh nghiệp; CSDL tài chính.	Quyết định gốc, căn cứ pháp lý cũ/mới, mã thửa, chủ thể, diện tích, mục đích, thời hạn, thay đổi quy hoạch/chính sách.	Có thể tự động truy xuất quyết định và dữ liệu quy hoạch/căn cứ đã cập nhật; giảm nộp lại quyết định, GCN và tài liệu định danh. Không tự động kết luận điều kiện pháp lý.
8	1.116102	Điều chỉnh quyết định do sai ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích	CSDL đất đai/bản đồ địa chính; CSDL quy hoạch; hồ sơ đo đạc; hồ sơ bàn giao đất; dữ liệu ảnh/đo đạc chuyên ngành nếu được công nhận.	Tọa độ, tờ bản đồ, số thửa, diện tích theo quyết định, diện tích thực địa, ranh giới, mục đích, biên bản bàn giao, lịch sử chỉnh lý.	Có thể giảm nộp lại quyết định và bản đồ đã có trên hệ thống; đối chiếu tự động chênh lệch bản đồ/quyết định. Không bỏ đo đạc, xác minh hiện trạng khi có sai lệch không thể xác định bằng dữ liệu.
9	1.116103	Giao đất ở có thu tiền cho các nhóm đối tượng chính sách/đủ điều kiện	CSDL dân cư; CSDL cán bộ, công chức, viên chức; CSDL quốc phòng, công an/cơ yếu theo phân quyền; CSDL giáo dục, y tế; CSDL đất đai; CSDL nhà ở; CSDL an sinh/chính sách;	Định danh, cư trú, nghề nghiệp/chức vụ, đơn vị công tác, địa bàn công tác, tình trạng có/được giao đất ở, nhà ở, thụ hưởng chính sách, điều kiện thường trú, nghĩa vụ tài chính.	Có thể thay giấy tờ xác nhận nhân thân, cư trú, công tác, tình trạng đất/nhà và hưởng chính sách nếu dữ liệu chuyên ngành đã đủ. Đây là thủ tục phụ thuộc nhiều CSDL; chỉ cắt theo từng nhóm đối tượng khi dữ liệu đã xác thực.
10	1.116104	Đăng ký, cấp GCN lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng, người gốc Việt Nam ở nước ngoài	CSDL đất đai; CSDL dân cư; CSDL hộ tịch; CSDL quốc tịch/xuất nhập cảnh/định danh; CSDL quy hoạch; CSDL xây dựng; CSDL thuế	Định danh, quan hệ hộ gia đình/đại diện, quốc tịch/tình trạng người gốc Việt Nam, thửa đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng, quy hoạch, tài sản, nghĩa vụ tài chính.	Có thể giảm giấy tờ định danh, cư trú, hộ tịch, giấy tờ chủ thể và dữ liệu quy hoạch/xây dựng nếu truy xuất được. Không bỏ giấy tờ lịch sử nguồn gốc đất chưa được tạo lập thành dữ liệu và bước xác minh thực địa.

Số TT	Mã TTHC	Tên thủ tục	CSDL cần khai thác/kết nối	Trường dữ liệu nghiệp vụ cốt lõi	Khả năng cắt giảm và giới hạn
11	1.116105	Tặng cho đất cho Nhà nước/cộng đồng hoặc mở rộng đường giao thông, đất chưa có GCN	CSDL dân cư; CSDL đất đai; CSDL quy hoạch/giao thông; CSDL hộ tịch; dữ liệu địa chính và hồ sơ quản lý đất công.	Chủ thể tặng cho, người đồng sử dụng/thừa kế, vị trí, ranh giới, diện tích, nguồn gốc, hiện trạng, quy hoạch tuyến đường, sự tự nguyện và chủ thể nhận.	Có thể thay giấy tờ định danh, thông tin thửa đất/quy hoạch nếu có dữ liệu; vẫn cần văn bản thể hiện ý chí tặng cho và xác minh quyền định đoạt, đồng sử dụng, ranh giới.
12	1.116106	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích/gia hạn phương án	CSDL đất đai; CSDL quy hoạch; CSDL xây dựng/môi trường; CSDL doanh nghiệp/hộ kinh doanh; CSDL ngành nông nghiệp.	Chủ thể, mã thửa, diện tích, mục đích chính/phụ, thời hạn, phương án sử dụng, công trình, tác động môi trường, điều kiện quy hoạch.	Có thể giảm giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, tư cách chủ thể, quy hoạch và giấy phép/công trình đã có dữ liệu. Phương án kỹ thuật, đánh giá điều kiện và kiểm tra thực địa vẫn là nghiệp vụ cần thiết.
13	1.116107	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND cấp xã	CSDL đất đai; hồ sơ địa chính; CSDL dân cư/hộ tịch; CSDL quy hoạch; dữ liệu bản án/quyết định giải quyết trước đó nếu được kết nối.	Thông tin các bên, đại diện, thửa đất, lịch sử sử dụng/biến động, nguồn gốc, giấy tờ, quyết định hành chính/bản án liên quan, yêu cầu và chứng cứ.	Có thể giảm giấy tờ định danh, trích lục địa chính, GCN và quyết định đã có trên hệ thống. Không thể cắt các bước xác minh, thu thập chứng cứ, đối thoại, xem xét quyền lợi và ban hành quyết định.
14	1.116108	Hòa giải tranh chấp đất đai cấp xã	CSDL đất đai; CSDL dân cư/hộ tịch; dữ liệu bản án/quyết định liên quan; CSDL quy hoạch.	Danh tính, địa chỉ liên hệ, tư cách các bên, mã thửa, hồ sơ địa chính, nguồn gốc, biến động, người có quyền lợi/nghĩa vụ liên quan.	Có thể thay giấy tờ định danh, trích lục và thông tin thửa đất đã có dữ liệu. Không bỏ việc triệu tập, xác minh, tổ chức hòa giải, lập biên bản và chữ ký các bên.

Số TT	Mã TTHC	Tên thủ tục	CSDL cần khai thác/kết nối	Trường dữ liệu nghiệp vụ cốt lõi	Khả năng cắt giảm và giới hạn
15	1.116109	Gia hạn sử dụng đất khi hết hạn/điều chỉnh thời hạn dự án đầu tư	CSDL đất đai; CSDL đăng ký doanh nghiệp/đầu tư; CSDL quy hoạch; CSDL tài chính/thuế; CSDL xây dựng/môi trường.	Quyết định giao/thuê đất, mã thửa, thời hạn, chủ đầu tư, tiến độ dự án, tình trạng thực hiện, quy hoạch, nghĩa vụ tài chính, điều kiện gia hạn.	Có thể giảm nộp lại quyết định, giấy đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đất và dữ liệu dự án đã có. Không bỏ đánh giá tiến độ, điều kiện gia hạn và nghĩa vụ tài chính.
16	1.116110	Đăng ký, cấp GCN phần diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới	CSDL đất đai; hồ sơ GCN gốc; bản đồ địa chính/đo đạc; CSDL dân cư; CSDL quy hoạch.	Số GCN gốc, thửa gốc, thửa tăng thêm, diện tích chênh lệch, ranh giới, chủ sử dụng liền kề, nguồn gốc phần tăng, biến động.	Có thể thay bản gốc/thông tin GCN bằng hồ sơ điện tử xác thực và tự điền thông tin thửa gốc. Không bỏ đo đạc, xác minh ranh giới, nguồn gốc và sự thống nhất với thửa liền kề khi cần.
17	1.116111	Cấp GCN phần diện tích còn lại khi đã cấp một phần đất ở trước 01/7/2004	CSDL đất đai; hồ sơ cấp GCN trước đây; CSDL dân cư/hộ tịch; dữ liệu bản đồ địa chính; CSDL quy hoạch.	Chủ thể, GCN đã cấp một phần, diện tích còn lại, loại đất, mốc thời gian cấp, nguồn gốc, lịch sử sử dụng, bản đồ và biến động.	Có thể thay thông tin GCN đã cấp và định danh bằng dữ liệu; giảm giấy tờ trùng lặp. Phải giữ xác minh điều kiện lịch sử, nguồn gốc và đối chiếu hồ sơ giấy nếu dữ liệu cũ chưa đầy đủ.
18	1.116112	Xác định diện tích đất ở theo điểm d khoản 2 Điều 20 NĐ 49/2026	CSDL đất đai; hồ sơ địa chính/lịch sử cấp GCN; CSDL dân cư/hộ tịch; dữ liệu quy hoạch và bản đồ.	Chủ thể, thửa đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng, diện tích, loại đất, GCN, căn cứ xác định diện tích đất ở và dữ liệu lịch sử.	Có thể thay giấy tờ định danh, GCN/trích lục đã số hóa và thông tin thửa đất; không thể thay dữ liệu lịch sử nguồn gốc, thời điểm sử dụng nếu chưa được tạo lập, kiểm chứng.

Qua rà soát, các cơ sở dữ liệu cần khai thác chủ yếu gồm: cơ sở dữ liệu đất đai, dân cư, hộ tịch, đăng ký doanh nghiệp, quy hoạch, xây dựng, thuế - tài chính, nông nghiệp - lâm nghiệp và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan. Khả

năng cắt giảm tập trung vào các giấy tờ, thông tin đã có dữ liệu xác thực như thông tin định danh, cư trú, chủ thể, Giấy chứng nhận/trích lục, quyết định, hồ sơ đã số hóa, thông tin quy hoạch và nghĩa vụ tài chính. Tuy nhiên, các bước mang tính nghiệp vụ chuyên môn như xác minh nguồn gốc, kiểm tra thực địa, đo đạc, đánh giá điều kiện pháp lý, hòa giải, đối thoại và thẩm định vẫn phải thực hiện khi pháp luật quy định hoặc dữ liệu chưa đầy đủ, chưa được kiểm chứng.

Theo số liệu tổng hợp tại phụ lục, trong kỳ báo cáo có 140 hồ sơ phát sinh đối với 09/18 TTHC; 09 TTHC chưa phát sinh hồ sơ. Kết quả này là cơ sở để đánh giá mức độ thường xuyên của từng thủ tục, nhu cầu bố trí nhân sự và thứ tự ưu tiên trong quá trình số hóa, kết nối dữ liệu, cắt giảm thành phần hồ sơ.

Qua rà soát, tại thời điểm báo cáo chưa có TTHC nào trong 18 TTHC đủ cơ sở xác định đã được thực hiện hoàn toàn, toàn trình bằng dữ liệu, do các quy trình vẫn còn ít nhất một số công đoạn cần thẩm định, xác minh, kiểm tra thực địa, đối thoại, xác định nghĩa vụ tài chính hoặc phụ thuộc vào dữ liệu lịch sử chưa đầy đủ. Tuy nhiên, nhiều thành phần hồ sơ có thể được thay thế ngay khi dữ liệu đã được số hóa, xác thực, kết nối và pháp luật cho phép khai thác, sử dụng.

(Chi tiết tại Bảng rà soát 18 TTHC và Biểu dữ liệu tiếp nhận TTHC kèm theo Báo cáo).

3. Nhân sự thực tế, vị trí việc làm và biên chế liên quan đến giải quyết TTHC

- Khâu tiếp nhận, hướng dẫn, hẹn trả kết quả và luân chuyển hồ sơ lĩnh vực đất đai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công: 01 công chức được phân quyền thực hiện trên hệ thống.

- Khâu xử lý, thẩm tra chuyên môn thuộc cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã (Phòng Kinh tế): bố trí nhân sự theo vị trí việc làm chuyên môn lĩnh vực đất đai; 01 lãnh đạo cơ quan chuyên môn trực tiếp phụ trách, kiểm soát quy trình xử lý hồ sơ.

- Khâu xem xét, quyết định/phê duyệt theo thẩm quyền: 01 lãnh đạo UBND xã. Các vị trí việc làm trực tiếp liên quan gồm Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, TTHC, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi ứng dụng công nghệ thông tin (mã VTVL CMNV.25) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực đất đai, tài nguyên khoáng sản (mã VTVL CMNV.15) tại Phòng Kinh tế, cùng các vị trí lãnh đạo, quản lý tương ứng. Năm 2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công được giao 04 biên chế, Phòng Kinh tế được giao 07 biên chế.

II. RÀ SOÁT CĂN CỨ PHÁP LÝ THEO 03 NHÓM

1. Nhóm tiếp tục sử dụng

Tiếp tục áp dụng các quy định còn phù hợp về thẩm quyền, điều kiện, tiêu chí nội dung, trình tự thẩm định, xác minh thực địa, hòa giải, đối thoại, ban hành quyết định và cập nhật hồ sơ địa chính theo Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung); Nghị định số 101/2024/NĐ-CP; Nghị định số

102/2024/NĐ-CP; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP; Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND và Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên, cùng các quy định chuyên ngành về quy hoạch, xây dựng, lâm nghiệp, thuế, phí và lệ phí còn hiệu lực. Việc chuyển từ hồ sơ giấy sang khai thác dữ liệu không làm thay đổi các điều kiện, tiêu chí và nội dung nghiệp vụ chuyên môn nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung.

Nghị định số 118/2025/NĐ-CP tiếp tục là căn cứ tổ chức tiếp nhận, số hóa, luân chuyển, theo dõi và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong phạm vi hiệu lực và nội dung hiện hành.

2. Nhóm cần sửa đổi, bổ sung

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp tục rà soát các quy định về thành phần hồ sơ, phương thức chứng minh và trách nhiệm xuất trình giấy tờ tại các điều, khoản, biểu mẫu, phụ lục của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP, Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND và Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND đối với những nội dung còn yêu cầu nộp lại bản sao hoặc xuất trình bản chính trong khi thông tin tương ứng đã có trong cơ sở dữ liệu và có thể khai thác, xác thực.

Việc sửa đổi nên thực hiện theo hướng cơ quan giải quyết chủ động khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu; người dân, tổ chức không phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có và khai thác được. Đồng thời, cần bổ sung mã định danh thửa đất, mã hồ sơ; cơ chế xác thực nguồn dữ liệu; quy trình xử lý trường hợp dữ liệu không khớp; trách nhiệm cập nhật dữ liệu; giá trị pháp lý của kết quả tra cứu và nhật ký khai thác; điều chỉnh biểu mẫu để loại bỏ các trường thông tin đã được hệ thống tự động điền.

Đối với Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 07/7/2026 công bố danh mục TTHC và quy trình, cần rà soát, cập nhật thành phần hồ sơ, quy trình điện tử, thời hạn xử lý và phương thức thực hiện sau khi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được sửa đổi, bổ sung. Quyết định công bố TTHC chỉ thực hiện việc công bố, hướng dẫn quy trình và không thay thế văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ quy định thành phần hồ sơ.

3. Nhóm cần bãi bỏ

Chỉ đề xuất bãi bỏ các quy định, điểm hoặc biểu mẫu bắt buộc người dân, tổ chức nộp lại giấy tờ trùng lặp khi dữ liệu tương ứng đã có trong cơ sở dữ liệu, được phép khai thác và có giá trị pháp lý; bãi bỏ yêu cầu kê khai lại thông tin đã được tự động điền; bãi bỏ bước luân chuyển bản giấy nội bộ khi đã có hồ sơ điện tử, chữ ký số và lưu vết đầy đủ. Không đề xuất bãi bỏ các quy định nền tảng về thẩm quyền, điều kiện, thẩm định, xác minh, kiểm tra thực địa hoặc các bước nghiệp vụ bắt buộc khác.

Đối với danh mục điều, khoản cụ thể cần bãi bỏ, dự thảo hiện chưa có đủ căn cứ để xác định chính xác do biểu rà soát chưa trích dẫn đầy đủ điều, khoản và

nội dung quy định thành phần hồ sơ của từng văn bản. Đề nghị cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp tục lập bảng đối chiếu từng thành phần hồ sơ với điều, khoản, điểm tương ứng trước khi xác định nội dung cần bãi bỏ, bảo đảm không kiến nghị bãi bỏ nhầm quy định về điều kiện, tiêu chí hoặc nội dung nghiệp vụ.

III. DỰ KIẾN LỘ TRÌNH CẮT GIẢM THÀNH PHẦN HỒ SƠ, CÔNG ĐOẠN XỬ LÝ BẰNG DỮ LIỆU

Lộ trình dưới đây được xây dựng trên cơ sở kết quả rà soát tại địa phương và chỉ thực hiện khi các điều kiện về pháp lý, chất lượng dữ liệu, kết nối hệ thống, xác thực, phân quyền khai thác và an toàn thông tin được cơ quan có thẩm quyền bảo đảm.

Thời gian	Nội dung, kết quả dự kiến
Từ nay đến 31/12/2026	Hoàn thiện rà soát 18 TTHC; chuẩn hóa danh mục thành phần hồ sơ, công đoạn xử lý, trường dữ liệu cần khai thác; xác định nội dung có thể giảm ngay đối với thông tin, giấy tờ đã có dữ liệu xác thực; tổng hợp các vướng mắc pháp lý, kỹ thuật và nhu cầu kết nối dữ liệu.
Tháng 01/2027	Chuẩn hóa danh mục nguồn dữ liệu, trường dữ liệu, tài khoản và phạm vi phân quyền; thống nhất cơ chế tra cứu, xác thực, lưu vết khai thác dữ liệu cho từng nhóm TTHC.
Tháng 02/2027	Ưu tiên khai thác, đối chiếu dữ liệu dân cư, hộ tịch, đăng ký doanh nghiệp và định danh điện tử để thay thế giấy tờ nhân thân, tư cách chủ thể khi đủ điều kiện.
Tháng 03/2027	Mở rộng khai thác dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính, dữ liệu Giấy chứng nhận và lịch sử cấp Giấy chứng nhận; giảm yêu cầu nộp lại giấy tờ đã có trong hồ sơ điện tử.
Tháng 04/2027	Kết nối, khai thác dữ liệu quy hoạch, xây dựng, nông nghiệp - lâm nghiệp và các dữ liệu chuyên ngành phục vụ nhóm thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.
Tháng 05/2027	Tăng cường kết nối dữ liệu thuế, tài chính và nghĩa vụ tài chính; giảm việc luân chuyển, kê khai lại thông tin đã có trên hệ thống.
Tháng 06/2027	Thí điểm tự động điền thông tin và thay thế một số thành phần hồ sơ trùng lặp đối với nhóm đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, đính chính và cấp lại khi dữ liệu đủ điều kiện.
Tháng 07/2027	Đánh giá kết quả thí điểm; mở rộng áp dụng cho nhóm giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích và chuyển hình thức sử dụng đất đối với các trường dữ liệu đã kết nối ổn định.

Thời gian	Nội dung, kết quả dự kiến
Tháng 08/2027	Mở rộng khai thác dữ liệu đối với nhóm điều chỉnh quyết định, tặng cho đất cho Nhà nước/cộng đồng và sử dụng đất kết hợp đa mục đích; tiếp tục giữ các bước kiểm tra, xác minh bắt buộc.
Tháng 09/2027	Rà soát nhóm hòa giải, giải quyết tranh chấp đất đai; sử dụng dữ liệu để thay thế giấy tờ định danh, trích lục, thông tin thửa đất và quyết định đã có, nhưng không cắt giảm các bước xác minh, đối thoại, hòa giải, thu thập chứng cứ theo quy định.
Tháng 10/2027	Đánh giá khối lượng hồ sơ, thời gian xử lý và mức độ giảm thao tác thủ công sau khi sử dụng dữ liệu; rà soát lại nhu cầu bố trí nhân sự, vị trí việc làm và phân quyền trên hệ thống.
Tháng 11/2027	Rà soát các TTHC không hoặc ít phát sinh hồ sơ; đánh giá sự cần thiết, kiến nghị đơn giản hóa quy trình hoặc điều chỉnh phương thức tổ chức thực hiện nếu đủ căn cứ.
Tháng 12/2027	Tổng kết, đánh giá toàn bộ 18 TTHC; xác định các thủ tục đủ điều kiện chuyển sang xử lý toàn trình bằng dữ liệu và các thủ tục vẫn cần duy trì công đoạn nghiệp vụ trực tiếp; đề xuất lộ trình giai đoạn tiếp theo.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực nông nghiệp và môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai, cơ quan thuế, cơ quan công an và các đơn vị quản lý dữ liệu công bố danh mục trường dữ liệu, kênh/API khai thác, điều kiện xác thực, phân quyền và thời điểm sẵn sàng khai thác đối với từng TTHC.

2. Đề nghị cơ quan chuyên môn cấp tỉnh rà soát các quy định tại Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP, Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND và Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND; xác định cụ thể điều, khoản, điểm cần sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để không yêu cầu người dân, tổ chức cung cấp lại giấy tờ, thông tin đã có dữ liệu và đủ điều kiện khai thác.

3. Đề nghị nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo hướng hỗ trợ tự động tra cứu, điền dữ liệu, hiển thị nguồn và thời điểm truy xuất; ghi nhật ký khai thác; tự động luân chuyển hồ sơ; tích hợp kết quả nghĩa vụ tài chính; hỗ trợ ký số và cập nhật dữ liệu đất đai sau giải quyết.

4. Đề nghị cơ quan chuyên môn cấp tỉnh hướng dẫn thống nhất tiêu chí xác định TTHC đã toàn trình về dữ liệu; công bố lộ trình kết nối, khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành để địa phương có căn cứ tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả và bố trí nhân sự phù hợp.

Trên đây là Báo cáo rà soát TTHC, đánh giá kết quả chuyển đổi số, sử dụng dữ liệu thay thế giấy tờ gắn với vị trí việc làm và phương án biên chế của UBND xã Phượng Tiến./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, HCC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ PHƯỢNG TIẾN T.THÁI NGUYÊN

La Thị Huế

Biểu dữ liệu tiếp nhận TTHC trên địa bàn xã Phượng Tiến đối với 18 TTHC thuộc lĩnh vực đất đai

STT	Mã TTHC	Tên/nhóm thủ tục	Số hồ sơ 11 tháng	Bình quân/tháng
1	1.116095	Thái Nguyên - Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	1	0,1
2	1.116096	Thái Nguyên (cấp xã) - Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót	5	0,5
3	1.116097	Thái Nguyên (cấp xã) - Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	2	0,2
4	1.116098	Thái Nguyên - Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	39	3,9
5	1.116099	Thái Nguyên (cấp xã) - Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng	42	4,2
6	1.116100	Thái Nguyên (cấp xã) - Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	0	0
7	1.116101	Thái Nguyên - Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	0	0
8	1.116102	Thái Nguyên (cấp xã) - Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	0	0

STT	Mã TTHC	Tên/nhóm thủ tục	Số hồ sơ 11 tháng	Bình quân/tháng
9	1.116103	Thái Nguyên - Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	0	0
10	1.116104	Thái Nguyên - Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài và cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP)	39	3,9
11	1.116105	Thái Nguyên - Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	2	0,2
12	1.116106	Thái Nguyên (cấp xã)- Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	0	0
13	1.116107	Thái Nguyên - Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	0	0
14	1.116108	Thái Nguyên - Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp xã	8	0,8

STT	Mã TTHC	Tên/nhóm thủ tục	Số hồ sơ 11 tháng	Bình quân/tháng
15	1.116109	Thái Nguyên - Trình tự, thủ tục gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	0	0
16	1.116110	Thái Nguyên (cấp xã) - Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (Trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích đất tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận)	2	0,2
17	1.116111	Thái Nguyên - Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	0	0
18	1.116112	Thái Nguyên - Xác định diện tích đất ở đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ	0	0